TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2023/QĐST-HNGĐ	*Văn Lâm, ngày 08 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

Anh Đàm Văn N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

Sinh quán: thôn N, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

HKTT: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*** (Con chung của anh N, chị N):

Cháu Đàm Yến N, sinh ngày 16/4/2011.

Cháu Đàm Hà A, sinh ngày 06/11/2013.

Cháu Đàm Đức M, sinh ngày 07/01/2020.

Cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 13/5/2021.

Đều có HKTT: thôn H, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu N, cháu A, cháu M, cháu K là bố đẻ các cháu: Anh Đàm Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn N và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 01/11/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, không ai quan tâm đến ai, chị N không quan tâm đến chồng con đi làm Công ty tối ngày về lạnh nhạt với chồng, vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh N và chị N cảm thấy không còn tình cảm với nhau nên không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị N đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N.

[2] Về con chung: Anh N và chị N cùng xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Đàm Yến N, sinh ngày 16/4/2011, cháu Đàm Hà A, sinh ngày 06/11/2013, cháu Đàm Đức Mi, sinh ngày 07/01/2020 và cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 13/5/2021. Ly hôn, anh chị thỏa thuận thống nhất: Anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 4 cháu Đàm Yến N, sinh ngày 16/4/2011, cháu Đàm Hà A, sinh ngày 06/11/2013, cháu Đàm Đức M, sinh ngày 07/01/2020 và cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 13/5/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh N tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh N và chị N là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh N và chị N cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí: Anh N và chị N thỏa thuận để anh N nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn N và chị Nguyễn Thị N đều thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Anh N và chị N cùng xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Đàm Yến N, sinh ngày 16/4/2011, cháu Đàm Hà A, sinh ngày 06/11/2013, cháu Đàm Đức M, sinh ngày 07/01/2020 và cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 13/5/2021.

Anh N và chị N thỏa thuận thống nhất: Anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 4 cháu Đàm Yến N, sinh ngày 16/4/2011, cháu Đàm Hà A, sinh ngày 06/11/2013, cháu Đàm Đức M, sinh ngày 07/01/2020 và cháu Đàm Tuấn K, sinh ngày 13/5/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh N tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh N và chị N cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh N và chị N thỏa thuận: Anh N nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0012100 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Anh N đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Lâm;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Văn Lâm;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Mười